TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1069/2024/DS-ST
Ngày 03-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Lê Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 918/2024/TLST-DS ngày 28/06/2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 623/2024/QĐXXST-DS ngày 11/10/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1961; Địa chỉ: Lê Đức T, Phường MB, quận G, Tp. Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thủy T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Huỳnh Khương A, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ký ngày 05/07/2024. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Quang T, Phường M, quận G, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị M, sinh năm 1966. Địa chỉ: 283/25/3 Lê Đức Thọ, Phường 17, quận G, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/06/2024, nguyên đơn bà Trần Thị P và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thủy T trình bày:

Vào ngày 31/10/2022, bà Trần Thị P cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 400.000.000 đồng. Thời hạn vay là kể từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày

15/04/2023, không tính lãi suất. Hợp đồng được ký tại Văn phòng công chứng Dương Thị Cẩm Thủy. Đến hạn trả nợ, bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình né tránh không trả nợ cho bà P. Do đó, bà P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận G buộc bà H phải trả lại cho bà P toàn bộ số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà có vay tiền của bà Trương Thị M 50.000.000 đồng và vay thêm 10.000.000 đồng của con gái bà M. Sau đó, bà M, bà P cùng với bà ra Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc B để làm lại hợp đồng, thì trên hợp đồng lại ghi số tiền vay là 400.000.000 đồng và người đứng tên cho vay là bà Trần Thị P. Nay bà thừa nhận có vay của bà P 400.000.000 đồng, tuy nhiên bà đã trả cho bà P được 100.000.000 đồng. Cụ thể, đợt 1 trả 50.000.000 đồng, đợt 2 trả 30.000.000 đồng và đợt 3 trả 20.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ bà P 300.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị M trình bày: Bà M có quen biết bà H nên tháng 08/2020 bà có cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng, hợp đồng vay tiền có công chứng nhưng bà H đã trả hết cho bà số tiền này. Sau đó, bà H nhờ bà giới thiệu người để bà H vay khoảng 400.000.000 đồng, nên bà đã giới thiệu bà Trần Thị P cho bà H vay tiền. Bà P đã cho bà M tiền hoa hồng do giới thiệu. Bà biết bà P và bà H có đến phòng công chứng để lập giấy vay tiền. Sau đó hai người tự giao dịch với nhau bà không liên quan. Tiền cho vay là của bà P, không phải tiền của bà. Đồng thời bà Mười có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tòa án tổ chức phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/08/2024. Tại phiên họp bà H cho rằng bà vay tiền của bà P, nên bà muốn gặp bà P để thương lượng, chứ bà không muốn làm việc với người đại diện của bà P. Bà sẽ tìm người đại diện cho bà để làm việc với người đại diện của bà P, do đó, bà xin hoãn buổi hòa giải. Tuy nhiên, sau đó bà H không ủy quyền cho người khác đại diện và cũng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định

tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Trần Thị P với bà Nguyễn Thị H là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Bà H có địa chỉ cư trú tại quận G. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mười có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào "Hợp đồng vay tiền" ngày 31/10/2022 được lập tại Văn Phòng công chứng Dương Thị Cẩm T giữa bên cho vay là bà Trần Thị P, bên vay là bà Nguyễn Thị H, và "Biên nhận" cùng ngày 31/10/2022, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, đã thể hiện vào ngày 31/10/2022, bà H có vay tiền của bà P số tiền 400.000.000 đồng. Thời hạn vay là kể từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 15/04/2023, không tính lãi suất. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ được thỏa thuận trong hợp đồng, tuy nhiên, bà H vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà P như đã cam kết, là bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mà hai bên đã thỏa thuận. Theo Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận"*. Do đó, bà P yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại điều 280 Bộ luật dân sự 2015;

Bị đơn bà H thừa nhận là vay của bà P số tiền 400.000.000 đồng nhưng bà đã trả được 100.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà P 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà

H không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho việc trả nợ của mình. Phía đại diện nguyên đơn không thừa nhận việc trả nợ này, do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của bà H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, buộc bị đơn bà H phải có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 400.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà H là người cao tuổi, tuy nhiên, bị đơn không có đơn xin miễn án phí nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 280; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà bà Trần Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị P số tiền là 400.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS vụ sán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Tô Văn Mạnh